

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày: 17 - 8 - 2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST - DS ngày 06/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: 1. Ông Hà X Ph, Sinh năm 1958;
2. Bà Hàn Thị A, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Chợ R, xã Đ Kh, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Bà Doãn Thị H, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Thôn D L, xã Th G, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt ông Ph, bà A, vắng mặt bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn là ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A trình bày:

Vợ chồng ông bà có quan hệ quen biết với bà Doãn Thị H và ông bà được biết bà Doãn Thị H thành lập công ty cổ phần môi trường xử lý nước thải công nghiệp Thanh Hóa đóng tại địa bàn xã Th G, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, bà H có chức vụ là giám đốc. Vì tin tưởng bà H nên vợ chồng ông Ph có cho bà H vay tổng số tiền là 725.000.000đ (Bảy trăm hai lăm triệu đồng), với các lần vay có viết giấy vay tiền như sau:

Ngày 07/9/2020 bà H vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Ngày 09/10/2020 bà H vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Ngày 9/11/2020 bà H vay 25.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

Ngày 24/11/2020 bà H vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

Ngày 28/11/2020 bà H vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Ngày 05/12/2020 bà H vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Các lần vay trên bà H đều viết giấy vay và có thỏa thuận lãi với nhau là 2%/tháng. Thời hạn vay là 1 tháng. Đến hạn bà H không trả cho vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nhưng bà H không trả. Cho đến hiện nay bà H vẫn chưa thanh toán nợ cho vợ chồng ông bà được đồng tiền gốc nào, về số tiền lãi bà H mới trả được cho vợ chồng ông bà là 51.000.000đ (Năm một triệu đồng). Vì vậy vợ chồng ông Ph, bà A yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc cho vợ chồng ông bà là 725.000.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tiền lãi là 2%/tháng tính từ khi vay đến thời điểm khởi kiện là 348.000.000đ (Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng) trừ đi số lãi bà H đã trả 51.000.000đ (Năm một triệu đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.022.000.000đ (một tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2022 bị đơn là bà Doãn Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận bà chỉ vay của ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vào ngày 07/9/2020 âm lịch, thỏa thuận lãi là 0,9%/tháng, hàng tháng bà thực hiện việc trả lãi cho vợ chồng ông Ph đầy đủ. Đối với số tiền 625.000.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng), mà ông Ph, bà A khởi kiện, bà cho rằng không đúng vì đó là số tiền ông Ph, bà A góp vốn vào Công ty và bà cũng đã trả cho ông Ph bà A số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Hiện tại chỉ còn 425.000.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi bà đã thanh toán đến hết tháng 10/2022. Nay ông Ph, bà A khởi kiện yêu cầu bà thanh toán khoản nợ trên, bà chỉ thừa nhận bản thân chỉ vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và bà sẽ trả khi bà đòi được tiền nợ từ ông Quý.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Trong đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ông Ph, bà A trình bày do giấy vay nợ ngày 09/10/2020 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) bà H không thừa nhận và với số tiền 25.000.000đ vay ngày 09/11/2020 ông bà trừ vào tiền bán tôn nên ông bà xin rút yêu cầu đối với số tiền gốc là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tại các buổi hòa giải bà H thừa nhận chỉ vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) ngày 07/9/2020 âm lịch, còn số tiền 625.000.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng) là tiền ông Ph, bà A góp vốn vào Công ty, tuy nhiên bà H thừa nhận việc bà không hiểu pháp luật nên đều viết dưới dạng giấy vay tiền.

Tại phiên tòa ông Ph, bà A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án buộc bà Doãn Thị H phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), đối với số tiền lãi, do các thời điểm vay khác nhau nên đề

tính toán, ông Ph, bà A, ông Ph đề nghị tính lãi đối với các giấy vay 07/9/2020; giấy vay ngày 28/11/2020 và giấy vay ngày 05/12/2020 tính tiền lãi từ thời điểm vay nợ cuối cùng là ngày 05/12/2020. Đối với giấy vay tiền ngày 24/11/2020 vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) thì tính lãi từ ngày vay là ngày 24/11/2020. Tại phiên tòa ông Ph, bà A xin rút một phần yêu cầu về tiền lãi, ông Ph bà A trình bày vì giữa hai bên có tranh chấp lãi và không thống nhất được mức lãi, còn giấy vay tiền ngày 24/11/2020 thì lãi cao hơn quy định của pháp luật. Vì vậy ông Ph bà A đề nghị Tòa án buộc bà H trả lãi cho ông bà theo quy định của pháp luật dân sự. Đối với phần bà H cho rằng 625.000.000đ (Sáu trăm hai lăm triệu đồng) là tiền ông, bà góp vốn vào Công ty, ông Ph bà A trình bày đây là các khoản bà H vay nợ của ông bà, còn đối với số tiền góp vốn hiện ông bà đang giữ giấy bà H nhận tiền, ông Ph bà A sẽ khởi kiện bà H ở một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A khởi kiện yêu cầu bà Doãn Thị H thanh toán số tiền nợ bà H đã vay của ông bà, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Doãn Thị H có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn D L, xã Th G, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Doãn Thị H đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

[2].Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Doãn Thị H phải thanh toán khoản nợ gốc là 725.000.000đ (Bảy trăm hai lăm triệu đồng). Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vay ngày 09/10/2020 và số tiền 25.000.000đ vay ngày 9/11/2020. Như vậy tại phiên tòa ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A yêu cầu bà Doãn Thị H phải thanh toán số tiền nợ cho vợ chồng bà gồm tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính theo hai thời điểm là ngày 24/11/2020 và ngày 05/12/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ với lãi suất theo quy định của pháp luật dân sự. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ph, bà A là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ph, bà A. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện. Xét các giấy vay tiền và lời trình bày của các bên thì thấy bà Doãn Thị H vay tiền của vợ chồng ông Ph, bà A từ năm 2020, tuy nhiên vay làm nhiều lần và viết nhiều giấy vay tiền khác nhau, bao gồm: Giấy vay ngày 07/9/2020 bà H vay 100.000.000đ

(Một trăm triệu đồng) hẹn sau khi dự án thành công sẽ thanh toán cả gốc và lãi; Ngày 24/11/2020 bà H vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn là 01 tháng; Ngày 28/11/2020 bà H vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) không ghi thời hạn trả nợ; Ngày 05/12/2020 bà H vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) không ghi thời hạn trả nợ; Các giấy vay tiền này bà Doãn Thị H đều ký dưới mục người vay tiền, người nhận tiền. Mặc dù một số giấy vay không ghi thời hạn trả nợ, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Ph, bà A đều khẳng định đã thông báo việc trả nợ cho bà H nhiều lần từ năm 2021 nhưng bà H không trả và cố tính tránh mặt ông bà. Trong các giấy vay tiền ngày 07/9/2020; ngày 28/11/2020; ngày 05/12/2020 không ghi lãi suất, đối với giấy vay tiền ngày 24/11/2020 ghi lãi suất 4%. Tại bản tự khai trình bày quan điểm và quá trình giải quyết vụ án bà H khẳng định bà chỉ vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vào ngày 07/9/2020 âm lịch, số tiền lãi bà đã thanh toán hàng tháng cho đến tháng 12/2022. Bà H cho rằng đối với số tiền 625.000.000đ là số tiền ông Ph, bà A góp vốn và bà cũng đã trả cho ông Ph bà A số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng). Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc bà đã trả lãi đều đặn cho ông Ph, bà A, cũng như đối với khoản tiền 625.000.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng) bà H cho là tiền góp vốn, nhưng trong tất cả các giấy tờ ông Ph, bà A xuất trình đều ghi nội dung bà H vay tiền, không có từ nào nói lên việc góp vốn. Ông Ph, bà A cho rằng từ khi viết giấy vay nợ lại đến nay bà H mới trả cho ông bà được 51.000.000đ (Năm một triệu đồng) tiền lãi. Hiện tại Bà H vẫn còn nợ số tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi còn lại vẫn chưa thanh toán. Như vậy bà Doãn Thị H có vay tiền của ông Ph, bà A ở các lần vay với tổng số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho vợ chồng ông Ph. Nguyên đơn là ông Ph, bà A yêu cầu bà H phải thanh toán lại số tiền nợ 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất nguyên đơn ông Ph, bà A yêu cầu Bà H phải thanh toán tiền lãi của tất cả các lần vay. Tuy nhiên đối với giấy vay ngày 07/9/2020, ngày 28/11/2020 và ngày 05/12/2020, mỗi lần đều vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên ông Ph, bà A đề nghị tính lãi 03 giấy vay trên là ngày vay cuối tức ngày 05/12/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đối với số tiền vay ngày 24/11/2020 ông Ph, bà A đề nghị tính lãi từ ngày vay là ngày 24/11/2020. Việc vay nợ là 04 thời điểm khác nhau, tuy nhiên ông Ph, bà A đề nghị chỉ tính thành hai thời điểm, việc tính thành hai thời điểm này có lợi cho phía bị đơn và nguyên đơn tự nguyện. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận. Xét yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn thì thấy, trong các giấy vay tiền ngày 07/9/2020; ngày 28/11/2020; ngày 05/12/2020 các bên không ghi rõ lãi suất, giấy vay tiền ngày 24/11/2020 ghi lãi suất 4%. Quá trình giải quyết vụ án ông Ph, bà A, bà H đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau, ông Ph, bà A trình bày tất cả các khoản vay đều thỏa thuận là 2%/tháng và bà H đã trả được 51.000.000đ (Năm một triệu đồng). Bà H cho rằng chỉ thỏa thuận lãi có 0,9%/tháng với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) bà đã vay ngày 07/9/2020, số tiền

500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) là bà A và ông Ph tự nguyện vay cho Công ty với lãi suất 4%/tháng, bà H và các cổ đông đã trả lãi cho ông Ph, bà A. Như vậy việc tính lãi suất các bên không xuất trình được căn cứ các bên thỏa thuận là bao nhiêu. Mặt khác trong giấy vay tiền ngày 24/11/2020 ghi lãi 4%. Đối với giấy vay ngày 28/11/2020 và ngày 05/12/2020, bà H thừa nhận trả lãi 4%/tháng, ông Ph, bà A cho rằng chỉ trả lãi có 2%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ*”. Như vậy cần áp dụng theo lãi suất 10%/năm đối với các giấy vay ngày 07/9/2020, ngày 28/11/2020 và ngày 05/12/2020. Đối với giấy vay ngày 24/11/2020 trong giấy vay có ghi lãi 4%, mức lãi suất này các bên thỏa thuận là cao so với quy định của pháp luật và bà A, ông Ph đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi quá cao so với quy định của pháp luật vì vậy cần áp dụng cách tính lãi đối với số tiền vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) ngày 24/11/2020 theo khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự là không quá 20%/năm, phần lãi các bên đương sự thỏa thuận vượt quá không được chấp nhận. Như vậy số tiền lãi bà H phải thanh toán cho vợ chồng ông Hà X Ph tại các giấy vay tiền ngày 07/9/2020, ngày 28/11/2020 và ngày 05/12/2020 được tính từ ngày 05/12/2020 như sau: $(300.000.000đ \times 10\% : 365 \text{ ngày}) \times 985 \text{ ngày} = 80.959.000đ$ (Tám mươi triệu chín trăm năm chín nghìn đồng) (con số đã được làm tròn), đối với số tiền lãi của khoản vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) ngày 24/11/2020 là $300.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 996 \text{ ngày} = 163.726.000đ$ (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm năm ba nghìn bốn trăm đồng) (con số đã được làm tròn). Tổng số tiền lãi là 244.685.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) trừ đi số tiền lãi bà H đã trả là 51.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) còn lại là 193.685.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Như vậy tổng số tiền bà Doãn Thị H phải thanh toán cho vợ chồng ông Hà X Ph gồm: Tiền gốc: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng); Tiền lãi tính đến ngày 17/8/2023 là 193.685.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 793.685.000đ (Bảy trăm chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[3]. Về án phí: Bà Doãn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015;

Điều 6; Điều 9; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A. Buộc bị đơn bà Doãn Thị H phải trả cho vợ chồng ông Hà X Ph số tiền gốc: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng); Tiền lãi tính đến ngày 17/8/2023 là 193.685.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 793.685.000đ (Bảy trăm chín mươi ba triệu sáu trăm tám trăm nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà X Ph và bà Hàn Thị A đối với yêu cầu bà Doãn Thị H trả số tiền gốc là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi tính theo 2%/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự hoặc khi pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Doãn Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 35.747.400đ (Ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng).

Trả lại ông Hà X Ph số tiền tạm ứng án phí là 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số: AA/2021/0006083 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Hà X Ph, bà Hàn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Doãn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

